

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG HÒA
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/HNGĐ-ST
ngày 13/4/2022
V/v yêu cầu ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nông Thanh Điệp

Các Hội thẩm nhân dân: ông Ma Vĩnh Thùy và bà Hoàng Thị Gấm

Thư ký phiên tòa: bà Mã Thư Viện - Thư ký TAND huyện Quảng Hòa

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Hòa tham gia phiên tòa: bà Chung Thị Bích Phượng - Kiểm sát viên

Trong ngày 13 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 09/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2022 về việc: “Yêu cầu ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/3/2022, giữa:

1. Nguyên đơn: **Hoàng Thị B** - sinh năm 1994.

2. Bị đơn: **Nông Thành L** – sinh năm 1991.

Cùng trú tại: Xóm N, xã M, huyện Q, tỉnh Cao Bằng.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Hoàng Thị B trình bày:

[1.1] Về quan hệ hôn nhân: Tôi kết hôn với anh Nông Thành L trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới ở hai bên gia đình, có đăng ý kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hưng, huyện Phục Hòa (nay là huyện Quảng Hòa) ngày 12 tháng 7 năm 2013. Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc vì tháng 3 năm 2021, tôi nghi ngờ anh L sử dụng chất ma túy, không tu trí làm ăn, lấy xe máy đi cầm cố, cho nên tôi đã đi vào miền Nam làm việc. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không quan tâm, hỏi thăm, chăm sóc, thực hiện nghĩa vụ vợ chồng. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu được ly hôn với anh L.

[1.2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là Nông Hoàng D -

sinh ngày 31/5/2013 và Nông Hoàng K – sinh ngày 29/11/2016, hiện nay hai con đang ở với tôi. Khi ly hôn, tôi là người trực tiếp nuôi cả hai con chung, còn anh L phải có trách nhiệm cấp dưỡng 01 triệu đồng/con/tháng.

[1.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Nông Thành L xác nhận và trình bày:

[2.1] Về điều kiện kết hôn đúng như chị B trình bày. Nhưng vợ chồng không mâu thuẫn, tôi không sử dụng ma túy, việc cầm cố xe là để trả nợ và chi trả tiền cho con đi học. Nay tôi xác định còn tình cảm với chị B, yêu cầu gia đình đoàn tụ để cùng nuôi dạy con chung.

[2.2] Về con chung: có 02 con chung như chị B trình bày. Trường hợp ly hôn mỗi người nuôi 01 con, tôi sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nông Hoàng K – sinh ngày 29/11/2016, còn chị B nuôi cháu Nông Hoàng D - sinh ngày 31/5/2013. Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Còn bị đơn không nhất trí ly hôn vì vẫn còn tình cảm với chị B. Về con chung nếu phải ly hôn anh L yêu cầu là người trực tiếp nuôi cháu Nông Hoàng K – sinh ngày 29/11/2016, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng.

[4] Đại diện Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong vụ án này những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Tại phiên tòa hôm nay, kết hợp với lời khai của chị B và các tài liệu chứng cứ cho thấy anh Nông Thành L sử dụng chất ma túy là nguyên nhân chính dẫn tới vợ chồng mâu thuẫn, anh L không làm tròn trách nhiệm của người chồng, người cha, làm cho mục đích hôn nhân của chị B không đạt được, do đó các yêu cầu của chị B là có căn cứ. Về người trực tiếp nuôi con, xét thấy anh L không có công việc ổn định, còn chị B có thu nhập ổn định và thực tế cháu Nông Hoàng D và Nông Hoàng K đã sinh sống cùng một nhà với chị B và bà ngoại, các cháu đang học tại thị trấn Tà Lùng ổn định. Ngoài ra xét thấy cháu Nông Hoàng D có nguyện vọng được ở cùng với mẹ. Do đó chị B là người trực tiếp nuôi hai con, còn anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng là hợp tình hợp lý đúng với thực tế và có căn cứ pháp luật.

Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 110 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 228, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội để xem xét chấp nhận yêu cầu ly hôn và nuôi con chung của chị Hoàng Thị B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị B kết hôn với anh Nông Thành L trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ý kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hưng, huyện Phục Hòa (nay là huyện Quảng Hòa) ngày 12 tháng 7 năm 2013. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh L sử dụng chất ma túy, không tu trí làm ăn, lấy xe máy đi cầm cố, dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng ly thân, không quan tâm, chăm sóc và thực hiện nghĩa vụ vợ chồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc anh L sử dụng chất ma túy là nguyên nhân dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, làm cho vợ chồng phải ly thân, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đều phù hợp với tài liệu, chứng cứ mà chị B đã nộp cho Tòa án. Ngoài ra, kết quả xác minh tại cơ sở theo đơn yêu cầu của chị Mai cho thấy anh L là đối tượng nghi nghiện ma túy (có tên trong danh sách theo dõi do Công an xã Mỹ Hưng lập). Mặc dù anh L xác định còn tình cảm với chị B nhưng trong thời gian vợ chồng mâu thuẫn và ly thân, anh L đã không có những biện pháp gì để giải quyết mâu thuẫn và hàn gắn tình cảm vợ chồng đoàn tụ.

Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của chị Hoàng Thị B là có căn cứ để chấp nhận theo Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Hội đồng xét xử xét thấy trong thời gian mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân thì cả hai cháu Nông Hoàng D và Nông Hoàng K đã sinh sống cùng một nhà với chị B và bà ngoại, các cháu đang học tại thị trấn Tà Lùng ổn định. Ngoài ra xét thấy cháu Nông Hoàng D có nguyện vọng được ở cùng với mẹ. Do đó chị B là người trực tiếp nuôi hai con, còn anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng là hợp tình hợp lý đúng với thực tế và có căn cứ pháp luật. Mức cấp dưỡng 1.000.000,đ/con/tháng theo yêu cầu của chị B là có căn cứ.

[3] Tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 110 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 228, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án, nay xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị B. Chị Hoàng Thị B được ly hôn đối với anh Nông Thành L.

[2] Về con chung: giao cháu Nông Hoàng D - sinh ngày 31/5/2013 và Nông Hoàng K – sinh ngày 29/11/2016 cho chị Hoàng Thị B là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, còn anh Nông Thành L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000,đ (một triệu đồng) đối với một con chung kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Nông Hoàng D và cháu Nông Hoàng K đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi xét thấy cần thiết, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, thay đổi mức và hình thức cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về án phí: Chị Hoàng Thị B phải chịu 300.000,đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung ngân sách nhà nước nhưng được trừ vào số tiền đã nộp 300.000,đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai số: 0004563 ngày 21 tháng 01 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng.

Anh Nông Thành L phải chịu 300.000,đ (ba trăm nghìn đồng) án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con để sung ngân sách nhà nước.

Án xử sơ thẩm công khai, có mặt nguyên đơn và bị đơn, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- CCTHADS huyện;
- UBND xã Mỹ Hưng;
- Lưu HSVA.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nông Thanh Điệp